



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2603-097 (26.450)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước ăn uống, sinh hoạt lấy tại vòi
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Trường Mầm Non Kim Liên
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 19 Hoàng Tích Trí, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 chai PE 1,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 10/03/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Nhanh
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 10/03/2026 – 20/03/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2603-097	Nguồn giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	KPH (LOD=0,07)	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,49	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,11	2
9	Permanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	0,66	2
10	Amoni(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
11	Trực khuẩn mũ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2603-096 (26.450)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt lấy tại bình chứa nước đầu nguồn
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Trường Mầm Non Kim Liên
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 19 Hoàng Tích Trí, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 chai PE 1,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 10/03/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Nhanh
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 10/03/2026 – 20/03/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2603-096	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	KPH (LOD=0,07)	0,2 ÷ 1
6	Mùi ^(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	8,48	6 ÷ 8,5
8	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,19	2
9	Permanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	0,66	2
10	Amoni ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
11	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ^(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ^(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hùng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.